

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10896/BKHT-QLKTTW
V/v góp ý dự thảo hồ sơ Nghị định về
cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế
tuần hoàn

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn (Nghị định). Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đã có ý kiến tại văn bản số 8986/VPCP-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2024 đồng ý đề nghị xây dựng Nghị định và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát các chính sách đề xuất và hoàn thiện việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, khả thi, đúng thẩm quyền của Chính phủ, trình Chính phủ trong quý II năm 2025.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo hồ sơ Nghị định. Ý kiến góp ý đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 17 tháng 01 năm 2025**.

Thông tin xin liên hệ: Ông Nguyễn Anh Dương, Trưởng Ban, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ĐT: 0912610153, email: aduong@mpi.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải hồ sơ lấy ý kiến theo quy định);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để đăng tải hồ sơ lấy ý kiến theo quy định);
- Lưu: VT, QLKTTW.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, và chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Văn bản số 8986/VPCP-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Chủ trương, cơ sở pháp lý

- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Nghị định. Nghị định này nhằm đưa ra các biện pháp để thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn, bao gồm cả các thủ tục, chính sách, biện pháp ưu đãi đầu tư mới so với khung khổ pháp lý hiện hành.

- Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp về “*Nghiên cứu triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo điều kiện cho doanh nhân, doanh nghiệp có bước đột phá trong một số lĩnh vực mới, có lợi thế, tiềm năng.*”

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, trong đó yêu cầu trình Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó yêu cầu trình Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Qua rà soát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các văn bản Luật đã ban hành chưa có nội dung nào giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn. Thực hiện quan điểm “*phát triển kinh tế tuần hoàn cần bảo đảm khẩn trương, thực chất, hiệu quả, khả thi, ... và mạnh dạn thử nghiệm trong các lĩnh vực cụ thể, thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư trong và ngoài nước*” tại Quyết định số 687/QĐ-TTg, Nghị định được xây dựng với các nội dung chính sách thử nghiệm thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định việc xây dựng Nghị định phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường, trong đó giao “*Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước*”. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị xây dựng Nghị định theo quy định và yêu cầu tại khoản 2, Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về “**Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ**”.

- Trên cơ sở hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định tại các văn bản số 8964/TTr-BKHĐT, 8965/BC-BKHĐT và 8966/BC-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đã có ý kiến tại văn bản số 8986/VPCP-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2024 đồng ý đề nghị xây dựng Nghị định và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát các chính sách đề xuất và hoàn thiện việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, khả thi, đúng thẩm quyền của Chính phủ, trình Chính phủ trong quý II năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, các quốc gia trên thế giới đã và đang quan tâm hơn đến mô hình kinh tế tuần hoàn. Trong bối cảnh dịch COVID-19 vào các năm 2020-2022, các quốc gia đã nhìn nhận nghiêm túc hơn yêu cầu phát triển bền vững, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, tạo động lực cho doanh nghiệp chuyển đổi xanh, và tăng cường mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế và sức chống chịu của chuỗi cung ứng; theo đó, kinh tế tuần hoàn được nhìn nhận là một hướng đi quan trọng. Hợp tác quốc tế cũng gia tăng, cả về phát triển bền vững, các nội dung liên quan đến chính sách công nghiệp nói chung và chính sách phát

triển các ngành cụ thể (nông nghiệp, năng lượng,...) gắn với tư duy kinh tế tuần hoàn. Các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và công nghệ số cũng khiến việc thiết kế, kết nối các công đoạn, hoạt động liên kết trong nhiều mô hình, dự án kinh tế tuần hoàn trở nên khả thi hơn, hiệu quả hơn.

Một số bài học có thể rút ra từ kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn. *Thứ nhất*, quyết tâm và tư duy mở hướng mạnh mẽ tới khía cạnh “*kinh tế*” trong kinh tế tuần hoàn có ý nghĩa quan trọng, từ đó, mới có cách tiếp cận kinh tế tuần hoàn tổng thể nhất, trên bình diện quốc gia, với một hệ thống khung khổ chính sách, pháp lý và tiêu chí hoàn chỉnh. *Thứ hai*, phát triển kinh tế tuần hoàn không thực hiện đồng nhất cho cả nền kinh tế, mà cần có những lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm có thể triển khai sớm, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội nhanh và rõ ràng. *Thứ ba*, trong các nền kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên, việc chuyển đổi theo hướng kinh tế tuần hoàn có thể mang lại nhiều cơ hội theo đuổi đa dạng hóa kinh tế và tiếp cận các thị trường có giá trị cao hơn. *Thứ tư*, hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng, nhằm tiếp cận, ứng dụng và làm chủ khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và cả kinh nghiệm thành công của các nước trong phát triển kinh tế tuần hoàn. *Thứ năm*, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn là rất cần thiết.

Dù đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam đang phải đối mặt với không ít thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Những thách thức này trở nên phức tạp hơn khi mà Việt Nam đang tiếp tục quá trình gia tăng dân số và đô thị hóa, quá trình công nghiệp hóa song còn chậm chuyển đổi từ cách tiếp cận kinh tế tuyến tính truyền thống kéo theo hệ lụy ngày càng nghiêm trọng đối với nguồn cung tài nguyên (bao gồm đất đai), lượng chất thải lớn, an ninh môi trường và an ninh nguồn nước. Để xử lý các thách thức này, Việt Nam bước đầu đã có các văn bản quan trọng như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030... Tuy nhiên, mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã có các quy định về kinh tế tuần hoàn, song các quy định này chưa thể hiện rõ khía cạnh “*kinh tế*” của mô hình kinh tế tuần hoàn (như khả năng tạo giá trị gia tăng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, liên kết ngành và doanh nghiệp, tăng năng suất và thu nhập cho người lao động). Bên cạnh đó, dù đã đề ra các nhiệm vụ hoàn thiện các chính sách, quy định để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế tuần hoàn, các nhiệm vụ này có các khung thời gian khác nhau trong trung và dài hạn, chưa tạo đủ điều kiện để sớm triển khai các mô hình kinh tế tuần hoàn mới.

Trên cơ sở tham mưu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, trong đó nhấn mạnh tư duy hướng tới khía cạnh “*kinh tế*” của mô hình kinh tế tuần hoàn và nhấn mạnh một quan điểm về “*tập trung ban hành các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế tuần hoàn, gắn với lộ trình, kết quả cụ thể, đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc và tạo dựng sự linh hoạt, chủ động nhằm sớm phát huy mô hình kinh tế tuần hoàn theo cấp độ phù hợp ở các ngành, lĩnh vực, địa phương*”. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Nghị định.

Do kinh tế tuần hoàn gắn với tư duy thiết kế mới, có ứng dụng đổi mới sáng tạo và liên quan đến nhiều mảng chính sách khác nhau, cách tiếp cận tuần tự, truyền thống nhằm hoàn thiện các nội dung chính sách liên quan là cần thiết, song không đủ. Bối cảnh phục hồi tăng trưởng kinh tế còn chậm của đất nước nói chung và các ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng, vật liệu xây dựng) trong năm 2023 nói riêng cũng đòi hỏi phải ***nhANH chóng tạo thêm động lực mới cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, người lao động*** thông qua các chính sách thúc đẩy phát triển xanh. Sớm hình thành một cơ sở pháp lý đủ vững chắc cho phát triển kinh tế tuần hoàn cũng sẽ giúp cụ thể hóa các nội dung hợp tác quốc tế liên quan đến kinh tế tuần hoàn (chuyển đổi năng lượng, nông nghiệp,...) mà Lãnh đạo cấp cao đã trao đổi và nhấn mạnh với các đối tác song phương và đa phương, góp phần hiện thực hóa thông điệp về “*Phương châm “Đã nói là làm, đã cam kết phải thực hiện” là chìa khoá để củng cố lòng tin giữa các quốc gia và khai thông bế tắc trong đàm phán về biến đổi khí hậu*” của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thượng đỉnh hành động khí hậu thế giới trong khuôn khổ COP28. Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực từ người dân, mọi người dân tham gia thực hiện kinh tế tuần hoàn cũng là một nội dung được Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh tại Phiên đối thoại chính sách tại Diễn đàn Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh 2024 vào ngày 25 tháng 9 năm 2024.

Theo đó, nội dung xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn – nhằm tạo lập khung thử nghiệm chính sách cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở một số ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng – chính là một yêu cầu quan trọng.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Sớm tạo dựng khung khổ pháp lý đồng bộ, thuận lợi ở cấp độ thử nghiệm để khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư cụ thể hóa sáng kiến, dự án kinh tế tuần hoàn ở các ngành, lĩnh vực được lựa chọn thử nghiệm, trên cơ sở đó minh chứng lợi ích từ mô hình kinh tế tuần hoàn để tạo lan tỏa cho quá trình chuyển đổi xanh và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Giúp mở rộng phạm vi triển khai hoạt động kinh tế tuần hoàn trên thực tế, từ đó thiết lập các cơ sở thông tin, điển hình, thực tiễn tốt để làm căn cứ đề xuất khung pháp lý chính thức, phổ quát cho kinh tế tuần hoàn trong dài hạn.

- Cụ thể hóa định hướng phân công nhiệm vụ chủ trì, điều phối, phối hợp cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng và thực thi các giải pháp chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cho kinh tế tuần hoàn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Chủ động thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm sớm tạo đột phá trong phục hồi kinh tế, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường liên kết vùng và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn cần bảo đảm khẩn trương, thực chất, hiệu quả, khả thi, có kế thừa những thực tiễn tốt ở các nước và trong nước, và tập trung ở các ngành, lĩnh vực cụ thể, thu hút sự quan tâm và phát huy sức sáng tạo của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn phải dựa trên cách tiếp cận mở, hướng nhiều hơn đến tạo dựng không gian hợp lý và thuận lợi cho phát huy hiệu quả kinh tế, khuyến khích các mô hình kinh tế tuần hoàn có tổ hợp nhiều hoạt động đa dạng ở các ngành, lĩnh vực, địa phương khác nhau, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, bảo đảm giám sát và kiểm soát hiệu quả rủi ro.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Thực hiện Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn (Nghị định), trình Chính phủ vào quý II năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 1669/TTr-BKHĐT ngày 9 tháng 3 năm 2023 gửi Thủ tướng Chính phủ với kiến nghị xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1, Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, trong đó có kèm theo Đề cương Nghị định và Đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng có văn bản số 1703/BKHĐT-QLKTTW ngày 10 tháng 3 năm 2023 gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị góp ý Đề cương Nghị định và Đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách (*góp ý lần 1*). Bộ cũng đã đăng tải nội dung lấy ý kiến lần 1 trên trang Thông tin điện tử của Bộ.

- Tại văn bản số 2386/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 4 năm 2023, Lãnh đạo Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư “*chủ trì, phối hợp với các cơ quan*

liên quan hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xác định rõ những vấn đề phát sinh trong thực tiễn và tính cấp bách trong trường hợp đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng, ban hành Nghị định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật”. Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Nghị định, và có Tờ trình số 5101/TTr-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2023 gửi Lãnh đạo Chính phủ, trong đó tiếp tục kiến nghị việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1, Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. Tờ trình số 5101/TTr-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2023 có kèm theo dự thảo Nghị định và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, tổng hợp ý kiến góp ý lần 1 của các bộ, ngành và địa phương đối với Đề cương Nghị định và Đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách, và giải trình, tiếp thu các nội dung liên quan đối với Đề cương Nghị định và Đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

- Sau khi có Tờ trình số 5101/TTr-BKHĐT, với tinh thần chủ động và trách nhiệm cao nhất với nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có công văn số 7143/BKHĐT-QLKTTW ngày 30 tháng 8 năm 2023 gửi các địa phương đề nghị góp ý đối với hồ sơ Nghị định, và công văn số 7144/BKHĐT-QLKTTW ngày 30 tháng 8 năm 2023 gửi các bộ, cơ quan ngang bộ và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị cử cán bộ tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập và góp ý đối với hồ sơ Nghị định (góp ý lần 2). Bộ cũng đã tổ chức hai hội thảo lấy ý kiến chính thức đối với dự thảo Nghị định,¹ đồng thời chia sẻ nội dung dự thảo Nghị định tại một số Diễn đàn, hội nghị². Bộ cũng đã đăng tải nội dung lấy ý kiến lần 2 trên trang Thông tin điện tử của Bộ. Trên cơ sở các ý kiến góp ý lần 2, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Nghị định (gồm dự thảo Nghị định; dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; bổ sung dự thảo báo cáo Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn; tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý lần 1 và lần 2 của các bộ, ngành và địa phương). Trong các ý kiến góp ý, Bộ Tư pháp có ý kiến tại công văn số 4689/BTP-PLDSKT ngày 04 tháng 10 năm 2023 yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm theo quy trình tương ứng tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình các nội dung ý kiến góp ý và có văn bản số 10703/TTr-BKHĐT ngày 20 tháng 12 năm 2023 trình Lãnh đạo

¹ Vào tháng 6/2023 và tháng 8/2023.

² Diễn đàn Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 9/2023; Hội nghị triển khai Đề án Nghiên cứu và ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế-xã hội bền vững huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2050 vào tháng 10/2023; Hội nghị “Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp Việt Nam hướng tới phát triển bền vững” vào tháng 4/2024;...

Chính phủ về việc xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn (*Trình lần 3*).

- Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 214/TB-VPCP ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Lãnh đạo Chính phủ tại cuộc họp về Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định. Hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định đã tận dụng, tiếp thu tối đa các ý kiến góp ý lần 1 và lần 2 của các bộ, ngành địa phương, và có giải trình các nội dung không tiếp thu. Hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định không bổ sung nội dung chính sách mới so với các hồ sơ lấy ý kiến góp ý trước đó. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi Hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định tại Công văn số 6650/BKHĐT-QLKTTW ngày 20 tháng 8 năm 2024. Căn cứ ý kiến của Bộ Tư pháp tại văn bản số 5213/BTP-PLDSKT ngày 17 tháng 9 năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định và trình tại các văn bản số 8964/TTr-BKHĐT, 8965/BC-BKHĐT và 8966/BC-BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024.

- Trên cơ sở hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đã có ý kiến tại văn bản số 8986/VPCP-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2024 đồng ý đề nghị xây dựng Nghị định và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát các chính sách đề xuất và hoàn thiện việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, khả thi, đúng thẩm quyền của Chính phủ, trình Chính phủ trong quý II năm 2025.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi văn bản số 10416/BKHĐT-QLKTTW ngày 18 tháng 12 năm 2024 đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cử cán bộ tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ra Quyết định số .../QĐ-BKHĐT ngày ... tháng ... năm ... về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi văn bản số .../BKHĐT-QLKTTW ngày ... tháng ... năm ... lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương về Hồ sơ Nghị định và đăng tải tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến góp ý theo quy định.

- Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Nghị định và gửi văn bản số .../BKHĐT-QLKTTW ngày ... tháng ... năm ... đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Nghị định để trình Chính phủ theo quy định.

(Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ bổ sung, cập nhật nội dung).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của Dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định bao gồm 06 Chương, 27 Điều như sau:

- Chương I – Quy định chung bao gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8);
- Chương II – Đăng ký và cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm 05 điều (từ Điều 9 đến Điều 13);
- Chương III – Các nội dung chính sách trong Cơ chế thử nghiệm gồm 06 điều (từ Điều 14 đến Điều 19);
- Chương IV – Giám sát, đánh giá, gia hạn và kết thúc thử nghiệm, gồm 04 điều (Điều 20 đến Điều 23);
- Chương V – Trách nhiệm của các bên liên quan, gồm 02 Điều (Điều 24 đến Điều 25);
- Chương VI – Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 26 đến Điều 27).

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định

a) Quy định chung (Chương I)

Chương này bao gồm các quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1), Đối tượng áp dụng (Điều 2); Giải thích từ ngữ (Điều 3); Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm (Điều 4); Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm (Điều 5); Nguyên tắc đối xử với các tổ chức, nhà đầu tư không tham gia Cơ chế thử nghiệm (Điều 6); Các lĩnh vực được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm (Điều 7), Điều 8 (Các nội dung chính sách được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm), trong đó:

- Nguyên tắc đối xử với các tổ chức, nhà đầu tư không tham gia Cơ chế thử nghiệm (Điều 6): Đối với tổ chức không có nhu cầu tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc không được tham gia Cơ chế thử nghiệm do không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này, các tổ chức này hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Các lĩnh vực được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm (Điều 7): Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp; Năng lượng tái tạo; Vật liệu xây dựng;

- Các nội dung chính sách được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm (Điều 8): Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế; Phân loại xanh; Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ; Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh; Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; Chính sách đất đai.

b) Đăng ký và cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm (Chương II)

Chương này bao gồm 05 Điều, quy định về Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Điều

kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm, Hồ sơ đăng ký, Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm, Thời gian thử nghiệm.

c) Các nội dung chính sách trong Cơ chế thử nghiệm (Chương III)

Chương này bao gồm quy định về: Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế; Phân loại xanh; Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ; Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh; Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; Chính sách đất đai, cụ thể như sau:

- Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp - năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Chính sách phân loại xanh: phân loại dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần và kinh tế tuần hoàn bán phần. Việc xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần hoặc dự án kinh tế tuần hoàn bán phần được thực hiện theo một trong hai phương án sau: (1) Tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan; (2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục phân loại xanh.

- Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương hỗ trợ kết nối với chuyên gia tư vấn công nghệ, hỗ trợ tối đa 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ. Đối với các dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được nhận chuyển giao công nghệ được nhà nước miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, được hưởng chế độ dự án ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm được tiếp cận, huy động, vay vốn ưu đãi, vay vốn không bảo lãnh chính phủ đối với các khoản tín dụng xanh; được phép hợp tác với các đơn vị có chức năng, đủ điều kiện, được phép phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về trái phiếu, được hợp tác với quỹ đầu tư phát triển địa phương để phát hành trái phiếu xanh chính quyền địa phương, được phép liên kết đối tác trong nước, quốc tế xây dựng thử nghiệm sản phẩm dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện ứng dụng công nghệ;

- Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm; tối đa 50% học phí đào tạo nghề, học phí chuyển đổi nghề theo thông

báo học phí do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm.

- Chính sách đất đai: Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với các loại đất quy định tại Luật Đất đai, bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm. Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không vượt quá diện tích đất sử dụng vào mục đích chính; Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố ưu tiên sử dụng mặt bằng sạch có sẵn, chịu trách nhiệm giải phóng sạch mặt bằng trong trường hợp nhà đầu tư ứng tiền giải phóng mặt bằng khu đất tại địa phương có vị trí, địa hình, đặc điểm phù hợp với quy mô dự án kinh tế tuần hoàn được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm dự kiến để triển khai xây dựng dự án.

đ) Giám sát, đánh giá, gia hạn và kết thúc thử nghiệm (Chương IV)

Chương này bao gồm quy định về Chế độ báo cáo (Điều 20), Dừng thử nghiệm (Điều 21), Gia hạn thời gian thử nghiệm (Điều 22), Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm (Điều 23).

e) Trách nhiệm của các bên liên quan (Chương V)

Chương này bao gồm quy định về Trách nhiệm của tổ chức, nhà đầu tư tham gia Cơ chế thử nghiệm (Điều 24), Trách nhiệm tổ chức thực hiện (Điều 25).

g) Điều khoản thi hành (Chương VI)

Chương này bao gồm quy định về Hiệu lực thi hành (Điều 26) và Trách nhiệm thi hành (Điều 27).

Trên đây là nội dung Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTĐL.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định về Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, thông qua chuyển đổi, thành lập, mở rộng, phát triển mới các dự án tổ hợp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản hải sản tập trung sang ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, năng lượng tái tạo, vật liệu xây dựng hoặc tích hợp các lĩnh vực này; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển, hỗ trợ chuyển đổi mô hình và quản lý nhà nước đối với dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn;
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, thành lập, phát triển mới, chuyển đổi các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kinh tế tuần hoàn” là một mô hình tổ chức hoạt động kinh tế hiện đại có tính khép kín và liên hoàn của nhiều đơn vị sản xuất gắn kết với nhau trên nguyên tắc tận dụng hiệu quả dịch vụ kết nối (tài chính, logistics, công nghệ thông tin và truyền thông), hướng tới liên kết sản xuất có tính tuần hoàn nhằm: tiết kiệm chi phí sản xuất và tối ưu hóa giá trị gia tăng trên cơ sở giảm thiểu chất thải trong quá trình sản xuất, hợp lý hóa quy trình đầu vào – đầu ra của các quy trình gắn với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động, sản xuất và sử dụng hợp lý các dạng năng lượng tái tạo trong sản xuất, phục hồi tài nguyên có thể tái tạo được, thúc đẩy tiêu dùng bền vững, giảm phát thải và góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

2. Dự án “kinh tế tuần hoàn”, “kinh tế sinh thái tuần hoàn”, “tổ hợp kinh tế sinh thái tuần hoàn”, “tổ hợp kinh tế tuần hoàn”, “cụm kinh tế tuần hoàn”, “khu kinh tế tuần hoàn” (sau đây gọi chung là “dự án kinh tế tuần hoàn”) là khu vực có ranh giới địa lý xác định, có không gian kinh tế đa chiều bao gồm các hợp phần, lĩnh vực, hoạt động kinh tế được tích hợp quy hoạch đa năng, liên kết hoạt động chặt chẽ tạo thành lưới, chuỗi giá trị có tính tuần hoàn, liên kết.

3. Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi và thời gian, trong đó các tổ chức tham gia có thể thử nghiệm các mô hình, giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực cụ thể theo quy định tại Nghị định này và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kiểm soát các rủi ro trong quá trình thử nghiệm.

4. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm là doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm bao gồm các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân khác sử dụng các mô hình, giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn và các đối tác hợp tác có liên quan trực tiếp tới các mô hình, giải pháp của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Điều 4. Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm

1. Tạo môi trường thử nghiệm có kiểm soát cho chuyển đổi, phát triển, vận hành thành công các dự án tham gia cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm tạo động lực sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả

kinh tế và cải thiện việc làm, thu nhập cho người lao động trong quá trình tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.

2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp cận, thử nghiệm, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, các giải pháp chuyên đổi số, công nghệ mới hiện đại, có tính đột phá, thích ứng với các xu hướng lớn trên toàn cầu, thân thiện với chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, phù hợp với xu hướng phát triển xanh, bền vững, tích hợp linh hoạt giữa các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, năng lượng, vật liệu xây dựng trên nền tảng đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, hiệu quả kinh tế bền vững, hạn chế tình trạng lãng phí các nguồn tài nguyên không tái tạo như: đất và nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Xây dựng nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm tạo ra từ dự án kinh tế tuần hoàn, cải thiện năng suất, cơ cấu lao động ổn định, thiết lập tính chủ động, tăng khả năng chống chịu, thích ứng đối với các yếu tố an ninh truyền thống và phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, đứt gãy chuỗi cung ứng, thay đổi chính sách thương mại và các quy định, hàng rào kỹ thuật ở các thị trường xuất nhập khẩu.

4. Hạn chế rủi ro xảy ra đối với các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người lao động khi phát triển, chuyển đổi sang các dự án kinh tế tuần hoàn chưa được quy định trong khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức.

5. Kết quả triển khai Cơ chế thử nghiệm được sử dụng làm căn cứ thực tiễn để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức.

6. Các chính sách thử nghiệm không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm

Việc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bảo đảm tính công bằng, khách quan, công khai và minh bạch thông qua các nguyên tắc sau:

1. Việc được tham gia Cơ chế thử nghiệm không đồng nghĩa với việc tổ chức tham gia thử nghiệm sẽ được cấp Giấy phép hoạt động chính thức cho các hoạt động sản xuất, phát triển, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ dự án kinh tế tuần hoàn.

2. Các dự án kinh tế tuần hoàn được xem xét tham gia Cơ chế thử nghiệm phải thuộc các lĩnh vực được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Quá trình xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đảm bảo tính minh bạch về tiêu chí, quy trình đánh giá, lựa chọn.

Điều 6. Nguyên tắc đối xử với các tổ chức, nhà đầu tư không tham gia Cơ chế thử nghiệm

Đối với tổ chức không có nhu cầu tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc không được tham gia Cơ chế thử nghiệm do không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tham gia

Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này, các tổ chức này hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các lĩnh vực được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản;
2. Công nghiệp;
3. Năng lượng tái tạo;
4. Vật liệu xây dựng.

Điều 8. Các nội dung chính sách được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm

1. Các nội dung chính sách thử nghiệm trong Cơ chế thử nghiệm bao gồm:
 - a) Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế.
 - b) Phân loại xanh.
 - c) Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ.
 - đ) Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh.
 - e) Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.
 - g) Chính sách đất đai.
2. Các nội dung chính sách tại Khoản 1 Điều này được quy định cụ thể tại Chương III của Nghị định.
3. Ngoài các nội dung chính sách thử nghiệm trong Cơ chế thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được hưởng các ưu đãi phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

Điều 9. Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; phối hợp với các Bộ liên quan để thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm (sau đây gọi là hồ sơ); cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.

Điều 10. Điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Tổ chức được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi đáp ứng **đồng thời** các điều kiện và tiêu chí như sau:

1. Điều kiện

a) Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc hoạt động theo các hình thức công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, tổ hợp tác; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành;

b) Có năng lực tài chính hoặc kế hoạch tiếp cận tài chính rõ ràng, khả thi; không có nợ xấu, vi phạm nghiêm trọng về thuế hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

c) Có dự án kinh tế tuần hoàn cụ thể hoặc đề xuất dự án kinh tế tuần hoàn cụ thể thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 7.

2. Các tiêu chí

a) Dự án kinh tế tuần hoàn có kế hoạch khả thi và có tiềm năng phát huy tác động tích cực *cả* về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó tác động về kinh tế là chủ đạo, thể hiện qua lợi nhuận của doanh nghiệp, năng suất lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động từ việc thực hiện dự án.

b) Dự án kinh tế tuần hoàn chủ yếu sử dụng nguyên liệu đầu vào trong nước.

c) Dự án kinh tế tuần hoàn được thiết kế trên nền tảng tiếp cận, ứng dụng và làm chủ các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0; trường hợp nhập khẩu và sử dụng các công nghệ tiên tiến thì phải có kế hoạch rõ ràng và khả thi về chuyển giao công nghệ, làm chủ và tiến tới phát triển công nghệ ở Việt Nam.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký

1. Hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm gồm một (01) bản gốc và năm (05) bản sao, mỗi bộ Hồ sơ bao gồm các tài liệu cụ thể như sau:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức đề xuất tham gia Cơ chế thử nghiệm;

c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính hoặc khả năng tiếp cận tài chính của tổ chức đề xuất tham gia Cơ chế thử nghiệm, gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ (nếu có); cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của tổ chức;

d) Thuyết minh dự án kinh tế tuần hoàn, đề xuất dự án đầu tư, sơ đồ nguyên lý chu trình vận động liên kết giữa các hợp phần, mô phỏng quy hoạch mặt bằng theo phân khu chức năng, bảng thống kê chỉ tiêu, diện tích các loại đất dự kiến sử dụng trong dự án kinh tế tuần hoàn, trích lục, sơ đồ thửa đất, vị trí thửa đất dự kiến triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm.

Trong đó, đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: Nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

Trường hợp nhà đầu tư đã chủ động ứng tiền thỏa thuận giải phóng mặt bằng xong nhà đầu tư đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì dựa trên bản trích lục, sơ đồ thửa đất, mô phỏng mặt bằng dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm, nhà đầu tư lập trích lục, sơ đồ, tọa độ, vị trí ranh giới thửa đất, lập bảng thống kê chỉ tiêu diện tích, phân loại đất theo mục đích sử dụng tương ứng gửi hồ sơ đến nơi tiếp nhận, tổ công tác chuyên trách thẩm định, trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

e) Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: phạm vi và thời gian thử nghiệm, kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm, nguồn lực tham gia thử nghiệm, các nguyên tắc trao đổi, báo cáo thông tin và kiến nghị với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong giai đoạn thử nghiệm và kế hoạch chấm dứt thử nghiệm.

g) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

i) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;

b) Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm

1. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp hồ sơ quy định tại Điều 11 Nghị định này trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu các tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

3. Trong vòng 60 ngày làm việc, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết).

Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị, các Bộ liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, hồ sơ bổ sung, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ bao gồm cả việc xin ý kiến các Bộ liên quan (nếu cần thiết).

Sau khi thời gian thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này kết thúc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với tổ chức có hồ sơ đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm nêu rõ các nội dung chính sách trong Cơ chế thử nghiệm (quy định tại Chương III) được áp dụng với Dự án tham gia Cơ chế thử nghiệm. Trường hợp từ chối, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Thời gian thử nghiệm.

1. Thời gian thử nghiệm tối đa 05 năm, có thể gia hạn 01 lần với thời gian gia hạn tối đa 05 năm, tính từ thời điểm được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy

chúng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Một số yếu tố được cân nhắc để quyết định thời gian thử nghiệm hoặc thời gian gia hạn thử nghiệm có thể bao gồm tác động kinh tế, xã hội, môi trường thực tế, mức độ phức tạp, tính chất, lĩnh vực và thời gian cần thiết để tạo tác động lan tỏa của dự án kinh tế tuần hoàn và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

2. Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

3. Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm.

Chương III

CÁC NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRONG CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

Điều 14. Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế

Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp - năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

Điều 15. Phân loại xanh

1. Phân loại xanh là cơ sở để cân nhắc, xác định mức độ ưu đãi chính sách cho dự án kinh tế tuần hoàn trong khung khổ cơ chế thử nghiệm, bao gồm chính sách tư vấn công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ; chính sách tín dụng xanh; chính sách phát triển nguồn nhân lực; chính sách đất đai.

2. Phân loại xanh đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm:

a) Dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần là dự án kinh tế tuần hoàn gồm chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom, sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp tạo lên chuỗi chu trình vận động dòng chảy vật chất liên tục cấu thành lên lưới, chuỗi giá trị hoạt động không phát thải khí nhà kính ra môi trường. Dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần vận động dựa trên nguyên tắc sử dụng toàn bộ sản phẩm, phế phẩm, phụ phẩm, chất thải của chu trình sản xuất, chế biến ban đầu được tái chế, tái sử dụng làm nguyên liệu, phương tiện, công cụ đầu vào cho chu trình hoạt động sản xuất, chế biến, chế tạo, tái tạo kế tiếp.

b) Dự án kinh tế tuần hoàn bán phần (một phần): Là dự án kinh tế tuần hoàn gồm chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom, sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp tạo lên chuỗi chu trình vận động dòng chảy vật chất liên tục, nối tiếp cấu thành lên chuỗi giá trị. Trong đó, tổng khối lượng giảm phát thải khí nhà kính của chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom,

sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp cấu thành lên chuỗi hoạt động có tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính lớn hơn tỷ lệ phát thải khí nhà kính.

3. Việc xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần hoặc dự án kinh tế tuần hoàn bán phần được thực hiện theo một trong hai phương án sau:

a) Phương án 1: Tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan.

b) Phương án 2: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục phân loại xanh.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, và các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 16. Chính sách giới thiệu công nghệ, chuyển giao công nghệ

1. Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương hỗ trợ kết nối với chuyên gia tư vấn công nghệ, hỗ trợ tối đa 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách, hồ sơ thông tin chuyên môn, năng lực chuyên gia, hồ sơ chứng minh chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật thuế, khoa học công nghệ, pháp luật khác về việc ưu đãi chi trả cho chuyên gia làm việc trong dự án tham gia cơ chế thử nghiệm.

2. Đối với các dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được nhận chuyển giao công nghệ được nhà nước miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, được hưởng chế độ dự án ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách thông tin, mô tả về công nghệ gồm tên loại, lĩnh vực, xuất xứ, tính ứng dụng công nghệ, đánh giá sơ bộ tiềm năng phát triển trong tương lai, các văn bản thể hiện sự quan tâm tới việc tiêu thụ, bao tiêu, sử dụng đầu ra của các sản phẩm được sản xuất ra bởi công nghệ sử dụng trong dự án kinh tế tuần hoàn đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

3. Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho các tổ chức thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

Điều 17. Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh

1. Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm được tiếp cận, huy động, vay vốn ưu đãi, vay vốn không bảo lãnh chính phủ đối với các khoản tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển địa phương, các quỹ an

sinh xã hội, quỹ môi trường, quỹ phát triển xanh, quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, định chế tài chính.

2. Chính sách trái phiếu xanh

a) Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép hợp tác với các đơn vị có chức năng, đủ điều kiện, được phép phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về trái phiếu, được hợp tác với quỹ đầu tư phát triển địa phương để phát hành trái phiếu xanh chính quyền địa phương, được phép liên kết đối tác trong nước, quốc tế xây dựng thử nghiệm sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện ứng dụng công nghệ chuỗi khối block chain, NFT, công nghệ chống giả gắn chip RFID.

b) Mỗi tỉnh, thành phố không được có quá 05 (năm) tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phát hành trái phiếu xanh và chỉ có duy nhất 01 (một) đơn vị được cho phép hợp tác liên kết với quỹ đầu tư phát triển địa phương thử nghiệm vận hành hoạt động sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện. Thời hạn trái phiếu xanh, thời gian vận hành thử nghiệm hoạt động sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện không vượt quá thời hạn dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, trừ trường hợp có các quy định mới khác ở cấp Luật, Nghị quyết của Quốc hội.

c) Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện quy trình phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu.

Điều 18. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

2. Nhà nước hỗ trợ tối đa 50% học phí đào tạo nghề, học phí chuyển đổi nghề theo thông báo học phí do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách lao động cần được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp gửi đơn vị có thẩm quyền cấp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm phê duyệt.

3. Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm kết nối các đơn vị cung ứng lao động, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp,... tham gia cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định, cung cấp nguồn lao động đảm bảo chất lượng, đủ số lượng theo yêu cầu cho việc thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

Điều 19. Chính sách đất đai

1. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với các loại đất quy định tại khoản 2 và tiết đ, khoản 3 Điều 218 của Luật Đất đai, bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm. Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không vượt quá diện tích đất sử dụng vào mục đích chính.

2. Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố ưu tiên sử dụng mặt bằng sạch có sẵn, chịu trách nhiệm giải phóng sạch mặt bằng trong trường hợp nhà đầu tư ứng tiền giải phóng mặt bằng khu đất tại địa phương có vị trí, địa hình, đặc điểm phù hợp với quy mô dự án kinh tế tuần hoàn được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm dự kiến để triển khai xây dựng dự án.

Chương IV

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, GIA HẠN VÀ KẾT THÚC THỬ NGHIỆM

Điều 20. Chế độ báo cáo.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền yêu cầu các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất.

2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng và cung cấp thông tin đột xuất về quá trình thử nghiệm, các rủi ro phát sinh, kết quả triển khai thử nghiệm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và Ủy ban nhân dân tỉnh nơi thực hiện dự án theo quy định. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm tự thiết lập các chỉ tiêu báo cáo tương ứng với ngành, lĩnh vực của dự án kinh tế tuần hoàn thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ hàng quý về các tình hình thực hiện, vướng mắc (nếu có), chỉ tiêu vận hành của dự án kinh tế tuần hoàn tham gia. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ mỗi sáu (06) tháng về tình trạng triển khai và vận hành, các kết quả về kinh tế-xã hội-môi trường đã đạt được, mức độ tiếp nhận của thị trường, các vấn đề phát sinh (nếu có), các kiến nghị (nếu có).

3. Trước khi kết thúc thời hạn thử nghiệm ít nhất 90 ngày làm việc, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo tổng kết và đánh giá hoạt động thử nghiệm. Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ trên báo cáo tổng kết quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và quá trình theo dõi, giám sát, ý kiến góp ý, nhận xét của các Bộ, địa phương liên quan (nếu có) để có phương án

xử lý tiếp theo sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm bao gồm: gia hạn thử nghiệm hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Điều 21. Dừng thử nghiệm

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây rủi ro lớn về kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh, quốc phòng; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;

c) Tổ chức tự nguyện chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

d) Tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;

đ) Có thay đổi quy định pháp luật dẫn đến phải thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp;

e) Giải pháp thử nghiệm không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan quản lý;

g) Thay đổi một trong các nội dung sau: thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bị dừng thử nghiệm không đồng nghĩa với việc không đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Các tổ chức tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động.

3. Trình tự xử lý

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo định kỳ hoặc trên cơ sở các thông tin, bằng chứng liên quan về rủi ro đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm theo các trường hợp được nêu tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với quá trình thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo định kỳ hoặc trên cơ sở các thông tin, bằng chứng liên quan về rủi ro đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm theo các trường hợp được nêu tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định về việc dừng thử nghiệm đối với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

c) Ngay khi nhận được thông báo về quyết định dừng thử nghiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch chấm dứt thử nghiệm và công khai kế hoạch chấm dứt thử nghiệm, đảm bảo tính khả thi để hoàn tất trong thời hạn tối đa 06 tháng;

- Bảo đảm quyền lợi khách hàng và có cơ chế giải quyết khiếu nại, bồi thường cho khách hàng trong trường hợp khách hàng bị thiệt hại do việc tổ chức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

- Kịp thời báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản về thiệt hại phát sinh và biện pháp xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại do việc dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

- Thông báo công khai trên trang tin điện tử chính thức của tổ chức tham gia thử nghiệm về việc dừng tham gia thử nghiệm.

4. Đối với các trường hợp dừng thử nghiệm khẩn cấp do yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do rủi ro nghiêm trọng xảy ra trong quá trình thử nghiệm, ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về quyết định dừng thử nghiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện ngay lập tức các quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này.

Điều 22. Gia hạn thời gian thử nghiệm.

1. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm có văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Quyết định kéo dài thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế là quyết định cuối cùng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với thời gian gia hạn thử nghiệm không quá năm (05) năm và có thể được gia hạn tối đa một (01) lần.

3. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày

nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản phản hồi về đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm.

Điều 23. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

1. Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

2. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản phản hồi về việc chấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, nhà đầu tư tham gia Cơ chế thử nghiệm

1. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm;

3. Thường xuyên rà soát, phát hiện các dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm.

5. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác trong quá trình kiểm tra, giám sát thử nghiệm khi có yêu cầu.

6. Chủ động tự giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên trong quá trình thử nghiệm.

7. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

8. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; đánh giá việc đáp ứng quy định tại Nghị định này để chấp thuận việc tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với từng trường hợp;

b) Đầu mối tiếp nhận, xử lý việc dừng thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm; đầu mối cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Theo dõi tình hình thực hiện, hướng dẫn và xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Cập nhật danh sách các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm trên trang thông tin điện tử chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

đ) Chủ trì thực hiện kiểm tra, quản lý và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật;

g) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện và kiến nghị các giải pháp liên quan nhằm tháo gỡ vướng mắc (nếu có) nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển kinh tế tuần hoàn.

2. Bộ Công an

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có). Chủ động cung cấp thông tin cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan khi phát hiện tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ phát sinh các rủi ro ảnh hưởng tới phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn;

d) Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng Cơ chế thử nghiệm để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

đ) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã được quy định tại Nghị định và các

quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

5. Bộ Công Thương

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

6. Bộ Xây dựng

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành có liên quan trong quá trình tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ.

8. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

9. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Căn cứ các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí vốn thường xuyên thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách;

đ) Ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện về tài chính cho các chính sách liên quan trong cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn;

e) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

11. Bộ Tư pháp

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

12. Bộ Ngoại giao

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ban, ngành, tỉnh, thành liên quan nghiên cứu, tham mưu về xu thế, khuôn khổ luật lệ quốc tế, kinh nghiệm của các nước gắn với việc triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị nhằm hoàn thiện khung chính sách và pháp lý trong nước;

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ban, ngành và tỉnh, thành, doanh nghiệp liên quan trong việc hỗ trợ huy động, tận dụng các nguồn lực quốc tế, thúc đẩy đàm phán với các đối tác phát triển để hỗ trợ việc phát triển kinh tế tuần hoàn, trước mắt là cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

13. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp;

đ) Phối hợp với các bộ, ngành triển khai chính sách tư vấn công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông) và công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn cho cán bộ công chức, viên chức các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

14. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương;

b) Bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện nội dung hỗ trợ thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn theo quy định của Nghị định này;

c) Xây dựng, tổ chức thực hiện hỗ trợ Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm về các nội dung sản xuất bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn;

d) Phối hợp với các bộ, ngành kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tình hình thực hiện Nghị định tại địa phương.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Số: /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn**

Thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, và Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại văn bản số 8986/VPCP-KTTH ngày 06 tháng 12 năm 2024 đồng ý đề nghị xây dựng Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng hồ sơ Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. Trên cơ sở rà soát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Phạm vi, nội dung rà soát**

- Về phạm vi rà soát: Gồm dự thảo Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn và các văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp, Luật, các Nghị định của Chính phủ) có liên quan.

- Về nội dung rà soát: Đối chiếu toàn bộ các quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Mục đích việc rà soát dự thảo Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Việc thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nhằm xác định các nội dung quy định có thể gây cản trở, vướng mắc và/hoặc làm tăng thời gian, chi phí cho các cơ quan, đơn vị khi triển khai các dự án kinh tế tuần hoàn, trên cơ sở đó đề xuất một số quy định theo hướng tạo điều kiện cho thử nghiệm các dự án kinh tế tuần hoàn trong một số lĩnh vực.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

Qua rà soát đã xác định được các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, bao gồm:

a) Các luật:

- Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi năm 2013);
- Luật Đầu tư 2020;
- Luật Đất đai;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2024;
- Luật Chứng khoán;
- Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Luật Hải quan;
- Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Luật Tổ chức Chính phủ;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Các Nghị định

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 153/2020 ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020 ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

- Nghị định số 08/2023 ngày 05/3/2023 về sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

- Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

c) Các văn bản khác

Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sửa đổi tại Thông tư số 72/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019).

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. Khoản 1, Điều 142 của Luật về Kinh tế tuần hoàn có quy định “*Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường*”. Khoản 4, Điều 142 của Luật giao Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Do đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn là phù hợp với phạm vi quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, lòng đất và vùng trời. Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn là các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, thành lập, phát triển mới, chuyển đổi các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn. Như vậy, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh được Luật Bảo vệ môi trường 2020 giao.

2. Các nội dung rà soát chi tiết

2.1. Về giải thích từ ngữ

Các từ ngữ được giải thích tại dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn gồm “kinh tế tuần hoàn”, dự án “kinh tế tuần hoàn”, “cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn”, “tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm”, “tổ chức, cá nhân liên quan đến cơ chế thử nghiệm” gồm những từ ngữ chưa được giải thích đủ chi tiết, cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật khác. Các từ ngữ được giải thích không mâu thuẫn, chồng chéo, không làm điều chỉnh, thay đổi bản chất nội dung các từ ngữ trong các văn bản khác có liên quan: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Các nội dung chi tiết rà soát

a. Rà soát với Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

Khoản 1, Điều 142 của Luật về Kinh tế tuần hoàn có quy định “*Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường*”. Khoản 4, Điều 142 của Luật giao Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Như vậy, việc Chính phủ xây dựng và ban hành Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Các quy định về phân loại xanh trong dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn được đề xuất áp dụng với các dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn (các dự án không tham gia cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn được áp dụng theo quy định hiện hành), qua đó bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

b. Rà soát với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi năm 2013) và các văn bản hướng dẫn

Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về cơ bản khá đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Chính sách thuế TNDN hiện hành đã góp phần tạo thuận lợi về môi trường đầu tư, góp phần thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế; điều tiết được hầu hết các khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, qua đó góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN); giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để đẩy mạnh đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, những quy định về thuế TNDN phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế.

Trong giai đoạn dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, việc thực hiện chính sách giảm thuế, phí, lệ phí (nhiều nội dung khác nhau) cũng đã góp phần tích cực vào việc tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất-kinh doanh, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế. Theo Tờ trình số 7314/TTr-BKHĐT ngày 06/9/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình kinh tế-xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2023; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đầu tư công năm 2024, đánh giá giữa kỳ kế hoạch năm 2021-2025, kết quả thực hiện giảm thuế, phí và lệ phí trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội đạt tới 60.201 tỷ đồng.

Đặt trong bối cảnh ấy, cách tiếp cận về việc bổ sung các ưu đãi thuế mới cần cân nhắc một số nội dung quan trọng. Thứ nhất là dư địa tài khóa để thực hiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ứng phó với các biến động kinh tế lớn trong tương lai. Thứ hai là bảo đảm tính trung lập của chính sách thuế. Thứ ba là cân nhắc khai thác tối đa các ưu đãi hiện có. Từ những cân nhắc này, việc tận dụng các ưu đãi thuế hiện hành cho các ngành công nghệ cao, địa bàn đầu tư khó khăn,... sẽ là một cách tiếp cận phù hợp cho chính sách thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, phù hợp với thẩm quyền, điều hành của Chính phủ. Cách tiếp cận này cũng có sự thích ứng trong tương lai khi có điều chỉnh ở văn bản Luật về khu công nghiệp và khu kinh tế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khu công nghiệp và Khu kinh tế, trong đó có 01 đề xuất chính sách về ưu đãi đầu tư đối với khu công nghiệp, khu kinh tế).

Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không đề xuất bổ sung, sửa đổi các mức miễn, giảm thuế, thời gian miễn, giảm thuế, mà chỉ đề xuất cho phép dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp - năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh

tế. Theo đó, dự thảo Nghị định không trùng lặp, chồng chéo với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi năm 2013).

c. Rà soát với Luật Đầu tư 2020 và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022

Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không đề xuất bổ sung, sửa đổi các mức miễn, giảm thuế, thời gian miễn, giảm thuế, mà chỉ đề xuất cho phép dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp - năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế. Theo đó, dự thảo Nghị định không trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn với Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.

d. Rà soát với Luật Đất đai và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024

Trên cơ sở tổng kết thi hành Luật Đất đai, Quốc hội đã ban hành Luật Đất đai (sửa đổi) vào ngày 18/01/2024, và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 vào ngày 29/6/2024. Theo đó, Luật Đất đai (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 01/8/2024.

Luật Đất đai năm 2024 không có quy định về việc sử dụng đất mục đích hỗn hợp, tích hợp đa năng. Điều 218 của Luật Đất đai đã quy định về việc sử dụng đất kết hợp đa mục đích, trong đó có nội dung về các loại đất được sử dụng kết hợp đa mục đích, điều kiện đối với việc sử dụng đất kết hợp đa mục đích, và có giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định sử dụng đất kết hợp đa mục đích là “*việc sử dụng một phần diện tích đất của mục đích sử dụng đất chính vào mục đích khác quy định tại Điều 218...*”. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP đưa ra một điều kiện là “*b) Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không quá 50% diện tích đất sử dụng vào mục đích chính, trừ diện tích đất ở sử dụng kết hợp đa mục đích*”. Điều kiện này có thể ảnh hưởng đến khả năng thiết kế các mô hình kinh tế tuần hoàn trong đó có các cấu phần hoạt động tương đương nhau theo chuỗi khép kín (bao gồm cả mục đích sử dụng chính và mục đích kết hợp). Theo đó, một hướng thử nghiệm chính sách có thể cân nhắc là nói lỏng điều kiện ***sử dụng đất kết hợp đa mục đích***. Theo đó, dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định của Luật Đất đai 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

đ. Rà soát với Luật Các tổ chức tín dụng 2024

Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về hoạt động cấp tín dụng. Qua rà soát các nội dung tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024 cho thấy dự thảo Nghị

định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành.

e. Rà soát với Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn

Các quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 153/2020 ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020 ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Nghị định số 08/2023 ngày 05/3/2023 về sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế) đã quy định chi tiết đầy đủ các nội dung liên quan đến phát hành trái phiếu. Qua rà soát cho thấy các quy định về trái phiếu xanh tại dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định tại Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn.

g. Rà soát với Luật Chuyển giao công nghệ 2017 và các văn bản hướng dẫn

Luật Chuyển giao công nghệ 2017 quy định về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ. Qua rà soát các nội dung tại Luật Chuyển giao công nghệ 2017 và các văn bản hướng dẫn cho thấy dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành.

h. Rà soát với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn có thể áp dụng đối với doanh nghiệp có quy mô lớn; ngay cả với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nếu không tham gia cơ chế thử nghiệm thì có thể áp dụng theo các cơ chế, chính sách hiện hành. Qua rà soát cho thấy dự thảo Nghị định về cơ chế thử

nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

i. Rà soát với Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Thông tư số 72/2015/TT-BTC (sửa đổi năm 2019)

Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Thông tư số 72/2015/TT-BTC (sửa đổi năm 2019) đã quy định chi tiết về đơn giản hóa trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Qua rà soát cho thấy dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành.

k. Rà soát với Luật Phòng, chống tham nhũng

điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: *“Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây:… Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về… công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết”*. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu, kết nối với chuyên gia tư vấn công nghệ sẽ phù hợp và đúng quy định hơn so với việc tư vấn cho doanh nghiệp về công nghệ. Theo đó, dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định hiện hành của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

l. Rà soát với Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng quá trình tổ chức thực hiện quy định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn cũng cần khuyến khích các cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy trình, thủ tục quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Theo đó, dự thảo Nghị định bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định của Nghị định số 73/2023/NĐ-CP.

m. Rà soát Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương

Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong quản lý, thực thi pháp luật chuyên ngành. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung rà soát, bổ sung rõ các trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện các nội dung, quy định liên quan.

Trên đây là báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLKTTW.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Số: /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định của Chính phủ về Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn

Kính gửi: Chính phủ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong những năm qua, các quốc gia trên thế giới đang quan tâm hơn đến với mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH). Trong bối cảnh dịch COVID-19 từ năm 2020, các quốc gia cũng nhìn nhận nghiêm túc hơn yêu cầu phát triển bền vững, tăng cường mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế và sức chống chịu của chuỗi cung ứng; theo đó, KTTH được nhìn nhận là một hướng đi quan trọng. Hợp tác quốc tế cũng gia tăng, cả về phát triển bền vững, các nội dung liên quan đến chính sách công nghiệp nói chung và chính sách phát triển ngành gắn với tư duy kinh tế tuần hoàn. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã đề ra Khung khổ về Kinh tế tuần hoàn vào tháng 10 năm 2021.

Một số bài học có thể rút ra từ kinh nghiệm quốc tế về phát triển KTTH. *Thứ nhất*, quyết tâm và tư duy mở hướng mạnh mẽ tới khía cạnh “kinh tế” trong KTTH có ý nghĩa quan trọng, từ đó, mới có cách tiếp cận nền KTTH một cách tổng thể nhất, trên bình diện quốc gia, với một hệ thống khung khổ pháp lý hoàn chỉnh để đạt được một hệ thống chính sách hoàn thiện. Việc phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cần thiết, song sẽ khó có thể phụ thuộc hoàn toàn vào sự chủ động của riêng doanh nghiệp. Tư duy về tối ưu quan hệ đầu vào-đầu ra giữa các phân ngành công nghiệp cũng rất quan trọng, để bảo đảm phát triển KTTH vừa kích thích sự phát triển khoa học – công nghệ, đồng thời tạo cầu cho các mặt hàng quan trọng có thể tái chế được. *Thứ hai*, những thách thức và cơ hội liên quan đến việc chuyển đổi sang KTTH sẽ khác nhau tùy theo sự khác biệt trong giai đoạn phát triển, tài nguyên và thể chế chính trị của mỗi quốc gia. Phát triển KTTH không thực hiện đồng nhất cho cả nền kinh tế, mà cần có những lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm. Dù những lĩnh vực này có sự khác biệt giữa các quốc gia, một yêu cầu chung là phải phát triển các khuôn khổ quản trị mạnh mẽ để giảm thiểu các rủi ro về sức khỏe và môi trường do quản lý kém đối với các hoạt động sản xuất và quản lý chất thải. *Thứ ba*, trong các nền kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên, việc chuyển đổi theo hướng KTTH có thể mang lại nhiều cơ hội theo

đuổi đa dạng hóa kinh tế và tiếp cận các thị trường có giá trị cao hơn. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, việc tiếp tục phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sẽ đặt ra những thách thức đáng kể đối với tăng trưởng kinh tế. Thứ tư, hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng. Phát triển KTTH không gắn với tư duy đóng kín nền kinh tế, thay vào đó, càng đòi hỏi phải thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm và khó khăn một cách cởi mở nhất, để từ đó cùng hành động, tiếp cận khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và các nguồn lực cần thiết để phát triển KTTH. Thứ năm, việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án KTTH là rất cần thiết. Khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kinh nghiệm của Đức và Hà Lan vào tháng 10 năm 2022 - với sự hỗ trợ của cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) - đã cho thấy yêu cầu quan trọng về hỗ trợ doanh nghiệp.

Dù đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế-xã hội, Việt Nam đang phải đối mặt với không ít thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Những thách thức này trở nên phức tạp hơn khi mà Việt Nam đang tiếp tục quá trình gia tăng dân số và đô thị hóa, quá trình công nghiệp hóa song còn chậm chuyển đổi từ cách tiếp cận kinh tế tuyến tính truyền thống kéo theo hệ lụy ngày càng nghiêm trọng đối với nguồn cung tài nguyên (bao gồm đất đai), lượng chất thải lớn, an ninh môi trường và an ninh nguồn nước.

Việt Nam đã có mô hình KTTH từ nhiều thập niên trước, điển hình gắn với cách tổ chức vườn-ao-chuồng (VAC), vườn-ao-chuồng-rừng (VACR)... Tuy nhiên, các mô hình này đều có quy mô tương đối nhỏ, chưa nhấn mạnh các yêu cầu ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo giá trị gia tăng và tăng năng suất, tư duy liên kết giữa các ngành và hoạt động một cách đủ tinh vi. Một số hạn chế, bất cập trong phát triển KTTH ở Việt Nam bao gồm: (i) khung khổ thể chế cho phát triển KTTH chưa hoàn thiện; (ii) nhận thức về KTTH và sự cần thiết chuyển đổi sang phát triển mô hình KTTH còn hạn chế; (iii) nguồn nhân lực sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi sang phát triển KTTH còn yếu; (iv) phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), rất hạn chế về năng lực công nghệ tái chế, tái sử dụng, chưa nói đến năng lực đóng góp vào phục hồi các nguồn tài nguyên; và (v) cách thức tiến hành, chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống ("*nền kinh tế nâu*" và "*kinh tế tuyến tính*") sang xây dựng mô hình KTTH (và rộng hơn là "*kinh tế xanh*") qua đó đóng góp vào đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn thiếu định hướng đủ cụ thể, kịp thời, thiếu hệ thống tiêu chí đủ chi tiết và cơ chế ưu đãi phù hợp.

Nhận thức được tính cấp thiết của việc cần phải thúc đẩy phát triển KTTH ở Việt Nam, ngay từ năm 2020, Việt Nam đã chủ động nghiên cứu, xác định chủ trương, tư duy, định hướng và các nhiệm vụ phát triển KTTH. Nhiều hoạt động nghiên cứu cơ bản, và tham vấn các chuyên gia, nhà đầu tư về KTTH đã được thực hiện. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường đã quy định các nội dung cụ thể về kinh tế tuần hoàn, trong đó có nhiệm vụ về xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng

01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Đề án *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam* được xây dựng ở một thời điểm rất quan trọng. Việt Nam phải cân nhắc những định hướng, yêu cầu chính sách nhằm bảo đảm phát triển bền vững hơn. Cam kết đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050 chính là một nền tảng bước đầu. Việt Nam cũng phải xử lý thách thức về gián đoạn chuỗi cung ứng bằng cách thích ứng theo hướng tăng cường mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế, trong đó có việc sử dụng các nguyên liệu, đầu vào hiệu quả hơn. Yêu cầu thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội sau những khó khăn nghiêm trọng của nền kinh tế trong các năm 2020-2021 cũng đòi hỏi phải chủ động thúc đẩy các mô hình kinh tế mới nhằm tạo thêm không gian phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ về “*Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường*”.

Trên cơ sở tham mưu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Quyết định số 687/QĐ-TTg đã khẳng định chủ động phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, phát triển KTTH phải dựa trên cách tiếp cận mở, hướng nhiều hơn đến tạo dựng không gian và thuận lợi cho phát huy hiệu quả kinh tế, trên cơ sở tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm huy động và sử dụng hiệu quả tri thức nhân loại, các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, các nguồn lực cần thiết từ khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài. Phát triển KTTH cũng đòi hỏi phải có các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển KTTH, gắn với lộ trình, kết quả cụ thể, đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc và tạo dựng sự linh hoạt, chủ động nhằm *sớm* phát huy mô hình KTTH theo cấp độ phù hợp ở các ngành, lĩnh vực, địa phương; tránh áp dụng rập khuôn, đồng nhất KTTH cho toàn bộ nền kinh tế.

Quyết định số 687/QĐ-TTg cũng đề ra các nhiệm vụ giải pháp cụ thể, có tính “dài hơi” mà các bộ, ngành cần phải thực hiện đồng bộ, trong đó có: (i) Rà soát, hoàn thiện khung chính sách và pháp lý nhằm tạo điều kiện cho phát triển KTTH; (ii) Tăng cường đối thoại công – tư về phát triển KTTH, trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; (iii) Có cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng đầu tư, phát triển nguồn nhân lực trong phát triển KTTH; (iv) Hài hòa

hóa các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ mô hình KTTH; Trao đổi, phối hợp với các đối tác nhằm tạo thuận lợi thương mại, công nhận lẫn nhau cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ từ mô hình KTTH.

Tuy nhiên, để tạo dựng “*sức sống*” cho các chính sách phát triển KTTH thì cách tiếp cận tuần tự, truyền thông là không đủ. Bối cảnh phục hồi kinh tế cần có thêm động lực từ chính nỗ lực thúc đẩy “*phục hồi xanh*”. Theo đó, một nhiệm vụ quan trọng để sớm cụ thể hóa các định hướng này là xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH. Nhiệm vụ này được giao tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, và Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định việc xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH phù hợp và cụ thể hóa nội dung quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường về “*Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước*”. này được giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a. Mục tiêu tổng thể

Nghị định quy định cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, để thúc đẩy, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp sớm thử nghiệm các ý tưởng, sáng kiến kinh tế tuần hoàn, đồng thời đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh, phục hồi xanh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, việc tổng kết thi hành Nghị định sẽ tạo điều kiện, căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện khung khổ pháp lý cho kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

b. Mục tiêu cụ thể

- Tạo đột phá về tư duy chính sách hướng tới mở rộng không gian kinh tế thông qua mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Tạo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát với các ưu đãi chính sách phù hợp nhằm khuyến khích doanh nghiệp sớm đầu tư vào các dự án kinh tế tuần hoàn trong một số lĩnh vực (nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; năng lượng; vật liệu xây dựng) có nhiều tiềm năng và có thể tạo động lực cho sớm phục hồi kinh tế và hiện thực hóa tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện sớm các nhiệm vụ nhằm tạo môi trường thử nghiệm cho phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Góp phần cải thiện mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh mới, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng sớm và hiệu quả với biến đổi khí hậu, giữ vững quốc phòng, an ninh.

3. Lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm

Các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm:

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản;
- Công nghiệp;
- Năng lượng;
- Vật liệu xây dựng.

Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được lựa chọn là do đây là một ngành quan trọng chưa có sự đột phá về tăng năng suất lao động, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ gắn với phát triển bền vững, giảm phát thải ra môi trường. Điều này là một nguyên nhân dẫn tới tình trạng tăng trưởng của ngành này chưa được cải thiện một cách đáng kể trong nhiều năm qua (trung bình đạt 2,98%/năm trong giai đoạn 2016-2021, 3,36% năm 2022, 3,83% năm 2023, và 3,38% trong 6 tháng đầu năm 2024). Các chính sách về thúc đẩy liên kết nội ngành, và giữa ngành này với các khu vực khác (công nghiệp, dịch vụ) đã được thực hiện trong nhiều năm qua và, dù đã có đóng góp trong việc cải thiện liên kết giữa các doanh nghiệp, song chưa tạo được tác động lan tỏa về năng suất, chất lượng, chuyển giao khoa học-công nghệ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với sản xuất bền vững. Bên cạnh đó, không ít các mặt hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam đang phải đối mặt với xu hướng gia tăng các quy định hướng tới phát triển bền vững ở các thị trường xuất khẩu (chẳng hạn như quy định chống phá rừng của EU (EUDR),...). Nếu tạo được đột phá mới thông qua ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, Việt Nam có thể đạt tăng trưởng cao hơn trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, đạt giá trị cao hơn trong xuất khẩu, cải thiện năng suất và thu nhập cho người lao động (đặc biệt là lao động nữ), và đóng góp hiệu quả vào giảm phát thải (thậm chí có thể bán tín chỉ các-bon), an ninh lương thực ở khu vực và thế giới.

Tiếp theo Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2024 phê duyệt Đề án Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030, trong đó đề ra một số quan điểm “*Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp (hay nông nghiệp tuần hoàn- NNTH) là định hướng quan trọng trong sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, tạo việc làm và thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, trách nhiệm và bền vững.*” và “*Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là công cụ nền tảng quan trọng trong NNTH, góp phần hiện thực hoá Chiến lược phát triển nông*

ng nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, “Tập trung ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển NNTH; nhân rộng, phát huy mô hình NNTH hiệu quả và phù hợp với đặc thù theo vùng miền, đối tượng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm thực tiễn và thu hút các nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân trong và ngoài nước”, bên cạnh các quan điểm khác.

Lĩnh vực công nghiệp được lựa chọn do cách tổ chức sản xuất duy trì nhiều năm trước đây chưa tạo ra được đột phá về liên kết nội ngành, và liên kết với nông, lâm nghiệp và thủy sản, và dịch vụ. Tăng trưởng của khu vực công nghiệp chỉ đạt 7,78% vào năm 2022, 3,02% năm 2023, và 7,54% trong 6 tháng đầu năm 2024. Bản thân liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, dù có nhiều cải thiện, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp gắn với khả năng cải thiện mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập và khai thác các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Mặt khác, các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu của Việt Nam đang và sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn từ các quy định, cơ chế thúc đẩy phát triển bền vững ở các thị trường xuất khẩu (chẳng hạn như Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon của EU (CBAM),...). Phát triển các dự án, mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công nghiệp sẽ là tác nhân quan trọng để doanh nghiệp thay đổi đáng kể về mô hình sản xuất, tư duy liên kết và thích ứng với các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

Lĩnh vực năng lượng được lựa chọn do đây các vấn đề về an ninh năng lượng, giảm phát thải trong quá trình sản xuất và tiêu dùng năng lượng, tư duy phát triển xanh một cách nhất quán (ví dụ như ô tô điện chỉ đạt hiệu quả giảm phát thải tốt nhất nếu nguồn điện được sản xuất cũng “sạch”). Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra một quan điểm phát triển là “*Phát triển điện phải bám sát xu thế phát triển của khoa học - công nghệ trên thế giới, nhất là về năng lượng tái tạo, năng lượng mới, gắn với quá trình chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp...*”, bên cạnh các quan điểm phát triển khác. Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 cũng đề ra một nhiệm vụ về “*Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn*”. Bản thân các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài cũng rất quan tâm đến lĩnh vực năng lượng gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam. Bên cạnh đó, thúc đẩy các mô hình, dự án kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực năng lượng ở phạm vi và quy mô phù hợp có thể giúp tránh nguy cơ thiếu điện cục bộ, bên cạnh các giải pháp khác.

Lĩnh vực vật liệu xây dựng được lựa chọn nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển bền vững của ngành. Cần lưu ý, Việt Nam vẫn đang có nhu cầu xây dựng hạ tầng và các công trình dân dụng tương đối lớn. Chẳng hạn, nhu cầu vật liệu đắp nền để phục vụ các dự án đường cao tốc phía Nam là rất lớn, song nguồn

cung hiện chưa thể đáp ứng. Vì vậy, bảo đảm đủ nguồn cung vật liệu xây dựng một cách bền vững và theo cách tiếp cận cung ứng bền vững sẽ giúp đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng đúng thời hạn và đúng chất lượng, đồng thời tạo đột phá cho cải thiện giá trị gia tăng của ngành. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực vật liệu xây dựng cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp thu các công nghệ mới, hiện đại nhằm tái chế vật liệu xây dựng ở các nước có trình độ tiên tiến hơn. Nội dung này cũng phù hợp với Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, trong đó đề ra một giải pháp về “*Xây dựng cơ chế chính sách, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp, chuyển đổi sang công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu tái chế từ phế thải công nghiệp, nông nghiệp, rác thải sinh hoạt, giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường*”.

Tuy nhiên, cách hiểu và tư duy quản lý đối với các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm không nên và không thể chỉ dựa vào tư duy quản lý ngành truyền thống. Nguyên nhân là do các mô hình kinh tế tuần hoàn mới, hiện đại có thể có sự gắn kết của nhiều hoạt động kinh tế thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Chẳng hạn, dự án kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp có thể bao gồm các cấu phần về năng lượng sinh khối, dịch vụ chế biến nông sản,...

Trong quá trình tham vấn, một số ý kiến cho rằng nên bổ sung, mở rộng các ngành thực hiện thử nghiệm theo nguyên tắc thống nhất với danh sách các ngành thực hiện thử nghiệm quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Một số ý kiến khác cho rằng các ngành được đưa vào dự thảo Nghị định là quá rộng. Theo cơ quan soạn thảo, các ngành được đề xuất trong dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn (gồm nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, năng lượng, vật liệu xây dựng) tạo không gian đủ rộng, hợp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đề xuất phát triển các dự án kinh tế tuần hoàn có gắn với liên kết đầu vào-đầu ra giữa các ngành, ứng dụng đổi mới sáng tạo và khoa học-công nghệ, tăng lợi nhuận, giá trị gia tăng và năng suất. Các ngành này cũng cần động lực lớn từ mô hình kinh tế tuần hoàn để nhanh chóng thực hiện cơ cấu lại và tăng trưởng nhanh, bền vững trong thời gian tới.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, quy định pháp luật chưa cho phép các hoạt động nông nghiệp được thực hiện trong khu công nghiệp.¹ Điều này ảnh hưởng đến khả năng thực

¹ Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã quy định “*Khu công nghiệp là khu vực có*

hiện các dự án kinh tế tuần hoàn bởi các dự án này có cả các cấu phần công nghiệp (chế biến nông sản) nhưng không thể tổ chức cả tổ hợp sản xuất trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Nếu phải đầu tư dự án kinh tế tuần hoàn ở ngoài khu công nghiệp thì sẽ ảnh hưởng đến thời gian và chi phí thực hiện dự án (do phải giải phóng mặt bằng và tăng chi phí vận chuyển do phải đáp ứng yêu cầu vận chuyển chất thải từ ngoài khu vào trong khu) và không được hưởng ưu đãi như dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế thử nghiệm cho phép dự án KTTH (không có hoạt động nông nghiệp hoặc hoạt động nông nghiệp ở quy mô **không quá lớn**) được thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng các ưu đãi tương tự như các dự án trong khu theo quy định của pháp luật.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp - năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Giải pháp 2: Cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Giải pháp 3: Không cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm có cấu phần nông nghiệp được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho các dự án KTTH chủ yếu dựa trên công nghiệp-năng lượng và dịch vụ được thực hiện và hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Theo đó, tác động kinh tế sẽ bao gồm tăng đầu tư vào KTTH, tạo việc làm và giá trị gia tăng trên nền tảng hạ tầng dùng chung của khu công nghiệp, khu kinh tế, và tác động sẽ được phát huy sớm hơn (do không phải chờ giải phóng mặt bằng ngoài khu). Doanh nghiệp cũng có thể thiết kế để việc vận chuyển chất thải, phụ phẩm từ nông nghiệp sang các cấu phần công nghiệp, năng lượng được thực hiện trong ranh giới địa lý của khu kinh tế, theo đó giảm thiểu chi phí tuân thủ về quy trình và phương tiện vận chuyển chất thải (so với trường hợp thiết kế cấu phần nông nghiệp ở ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế). Tác động xã hội sẽ bao gồm cải thiện việc làm, năng suất và

ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.”

thu nhập cho người lao động. Tác động về giới có thể bao gồm việc tạo thêm việc làm và cơ hội cải thiện kỹ năng cho lao động nữ nếu có các cấu phần phù hợp về nông nghiệp trong dự án KTTH được thực hiện tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 2 có thể tạo điều kiện cho các dự án KTTH có cấu phần nông nghiệp được thực hiện và hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Tuy nhiên, giải pháp này không bảo đảm doanh nghiệp thiết kế dự án kinh tế tuần hoàn theo hướng tập trung hơn vào công nghiệp và dịch vụ (và theo đó là ứng dụng công nghệ, tạo giá trị gia tăng). Tác động xã hội có thể ảnh hưởng đến hiệu quả và môi trường hoạt động của khu công nghiệp, khu kinh tế. Tác động về giới có thể bao gồm việc tạo thêm việc làm, song cơ hội cải thiện kỹ năng có thể bị hạn chế, cho lao động nữ nếu dự án KTTH tập trung quá nhiều vào hoạt động nông nghiệp.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của WTO. Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 3 không giải quyết được vấn đề hiện nay, ảnh hưởng đến cơ hội thu hút các nhà đầu tư vào dự án KTTH có quy mô và sức lan tỏa lớn ở khu công nghiệp, khu kinh tế; thay vào đó, chỉ giúp thu hút các nhà đầu tư có quy mô dự án KTTH nhỏ hơn, giới hạn ở lĩnh vực công nghiệp, vật liệu xây dựng và năng lượng.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Nội dung cho phép hoạt động nông nghiệp trong khu kinh tế (dù chỉ chiếm tỷ trọng không quá lớn – không quá 50% - để bảo đảm bản chất dự án tập trung chủ yếu vào công nghiệp) cần được điều chỉnh tại các văn bản cấp Nghị định của Chính phủ về khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Chính sách 2: Phân loại xanh

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Đến thời điểm tháng 9 năm 2024, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh - nhiệm vụ tại Điều 154, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường - chưa được ban hành. Bên cạnh đó là yêu cầu phải điều chỉnh trong tương lai khi hài hòa hóa phân loại xanh của Việt Nam với các nước trong khu vực (VD: như trong ASEAN theo Khung khổ ASEAN về Kinh tế tuần hoàn). Trong khi đó, việc chưa có quy định chính thức về phân loại xanh cũng ảnh hưởng đến việc các định chế tài chính tài trợ cho các dự án KTTH.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đề ra khung chính sách đủ mở và đủ rõ ràng về phân loại xanh để phục vụ triển khai dự án KTTH.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề ra phạm vi của các dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần và dự án kinh tế tuần hoàn bán phần, và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung này và phương án xác nhận các dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần hoặc dự án kinh tế tuần hoàn bán phần.

- Giải pháp 2: Không thực hiện chính sách về phân loại xanh.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 sẽ tạo cơ sở vững chắc hơn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào các dự án KTTH, và các định chế tài chính có độ an toàn pháp lý cao hơn khi tài trợ cho các dự án KTTH. Giải pháp này không mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nhiệm vụ xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (quy định tại Điều 154, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Giải pháp này không làm giảm hiệu quả của các quy định về bảo đảm hiệu quả, an toàn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng. Theo đó, các dự án KTTH có thể được triển khai sớm hơn và/hoặc quy mô lớn hơn. Các doanh nghiệp thực hiện dự án được xếp loại Dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần

và Dự án kinh tế tuần hoàn bán phần có thể cải thiện uy tín và mạng lưới hợp tác, tiếp cận thêm nhiều nguồn lực (tài chính và phi tài chính), qua đó tạo thêm tác động tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, tạo lợi nhuận cho doanh nghiệp, nguồn thu cho định chế tài chính, và hiện thực hóa việc giảm phát thải ròng. Tác động về giới có thể là tăng cơ hội việc làm, năng suất và thu nhập cho lao động nữ.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Việc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn nội dung này cũng phù hợp theo quy định tại tiết c; khoản 2 Điều 139 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (theo đó quy định các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm lồng ghép các tiêu chí cụ thể thực hiện kinh tế tuần hoàn ngay trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải).

3. Chính sách 3: Chính sách giới thiệu công nghệ, hỗ trợ tối đa 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song chưa có thông tin và/hoặc khả năng tiếp cận các công nghệ phù hợp và/hoặc các tư vấn liên quan. Điều này ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ trong các dự án KTTH.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương hỗ trợ kết nối với chuyên gia tư vấn công nghệ, hỗ trợ tối đa 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ.

- Giải pháp 2: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương tư vấn giới thiệu miễn phí công nghệ.

- Giải pháp 3: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận công nghệ một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận chuyên gia công nghệ

và kỹ năng, tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có quy mô lớn cũng có thể được tiếp cận các hỗ trợ chính sách này ở mức độ hợp lý (các hỗ trợ này có quy mô tương đối nhỏ so với doanh nghiệp lớn, và chỉ có ý nghĩa giảm chi phí cho các doanh nghiệp này trong quá trình chuyển đổi sang KTTH). Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Giải pháp này đã điều chỉnh để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (*“Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây:... Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về... công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết”*) (theo góp ý của Bộ Tư pháp tại văn bản số 5213/BTP-PLDSKT ngày 17 tháng 9 năm 2024).

- Giải pháp 2 đòi hỏi ít hơn về quy mô chi từ ngân sách nhà nước, song có thể không tạo được tác động đủ lớn để khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận chuyển giao công nghệ và kỹ năng, qua đó hạn chế cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động. Bên cạnh đó, giải pháp này đã điều chỉnh để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (*“Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây:... Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về... công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết”*) (theo góp ý của Bộ Tư pháp tại văn bản số 5213/BTP-PLDSKT ngày 17 tháng 9 năm 2024).

- Giải pháp 3 không đòi hỏi ngân sách, và dựa hoàn toàn vào cơ chế thị trường, sự quan tâm và chủ động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp có quy mô tương đối nhỏ và/hoặc mới bắt đầu thực hiện sản xuất – kinh doanh trong thời gian ngắn có thể gặp khó khăn trong việc tìm hiểu về các công nghệ mới trên thị trường phù hợp với việc thiết kế dự án kinh tế tuần hoàn, cũng như kết nối với các nhà cung cấp giải pháp công nghệ phù hợp. Điều này có thể ảnh hưởng đến mức độ quan tâm của doanh nghiệp đến ứng dụng khoa học công nghệ trong dự án kinh tế tuần hoàn, cũng như phạm vi, hiệu quả của dự án kinh tế tuần hoàn. Theo đó, giải pháp này không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ. Giải pháp này cũng đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (*“Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây:... Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về... công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết”*) (theo góp ý của Bộ Tư pháp tại văn bản số 5213/BTP-PLDSKT ngày 17 tháng 9 năm 2024).

nhân khác ở trong nước và nước ngoài về... công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết”) (theo góp ý của Bộ Tư pháp tại văn bản số 5213/BTP-PLDSKT ngày 17 tháng 9 năm 2024).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng bên cạnh việc tuân thủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, quá trình tổ chức thực hiện quy định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn cũng cần khuyến khích các cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy trình, thủ tục quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

4. Chính sách 4: Chính sách được nhà nước miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, chế độ dự án ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song có thể gặp khó trong các quy trình nhập khẩu các công nghệ tiên tiến phù hợp (trong đó có chi phí thời gian và tài chính liên quan đến nhập khẩu dây chuyền công nghệ, nguyên liệu, phụ liệu thực hiện dự án). Điều này có thể ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH, cũng như hạn chế tác động sớm của các dự án KTTH trong các lĩnh vực cần khuyến khích phát triển.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ trong các dự án KTTH.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, chế độ dự án ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận công nghệ một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù ảnh hưởng trực tiếp đến thu ngân sách nhà nước từ nhập khẩu. Chế độ dự án ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp trong thực hiện, chuyển đổi sang KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận chuyển giao công nghệ và kỹ năng, tăng

năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) phần thu bị giảm do miễn thuế nhập khẩu. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của WTO. Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 2 không ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước từ nhập khẩu, song không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

5. Chính sách 5: Chính sách hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song chưa có thông tin và/hoặc khả năng tiếp cận các giải pháp chuyển đổi số phù hợp. Điều này ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong các dự án KTTH.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận chuyển đổi số một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận công nghệ số, tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của WTO. Về cơ bản, giải pháp này giống với các quy định hiện đang áp dụng với doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ như tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), song có mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng (dự thảo Nghị định đề xuất áp dụng với “*Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn*”), với mức hỗ trợ tối đa thấp hơn so với quy định hiện hành (tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP). Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 2 không đòi hỏi ngân sách, song không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

6. Chính sách 6: Chính sách tín dụng xanh

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Các quy định về tín dụng xanh còn thiếu. Bản thân các tổ chức tín dụng cũng ngần ngại trong việc cung ứng tín dụng xanh, do khung pháp lý chưa thật rõ ràng (chủ yếu phải dựa trên khung ESG). Trong khi đó, ngay cả khi có các quy định pháp lý cụ thể, thì rủi ro tiếp cận tín dụng xanh vẫn còn khi mà các nước gia

tăng các quy định về phát triển bền vững trong đó có các tiêu chuẩn xanh liên quan đến sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ hội tiếp cận tín dụng xanh cho các dự án KTTH.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm – tùy theo phân loại là dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần hay dự án kinh tế tuần hoàn bán phần - được tiếp cận, huy động, vay vốn ưu đãi, vay vốn không bảo lãnh chính phủ đối với các khoản tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh, các quỹ an sinh xã hội, quỹ môi trường, quỹ phát triển xanh, quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, định chế tài chính.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận tín dụng xanh cho các dự án KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có nhiều cơ hội được tài trợ hơn (đặc biệt là các dự án KTTH xanh toàn phần). Khi thực hiện giải pháp này, *các rủi ro đối với ngân hàng thương mại (ở cấp vĩ mô) và đối với hệ thống tài chính – ngân hàng (ở cấp vĩ mô) đều nằm trong kiểm soát do không có điều chỉnh về tiêu chuẩn vay, không có quy định khuyến khích doanh nghiệp gia tăng khẩu vị rủi ro*. Tác động kinh tế kèm theo là lợi nhuận cho doanh nghiệp, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động (kể cả lao động nữ). Tác động môi trường bao gồm việc hiện thực hóa giải pháp giảm phát thải ròng.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

7. Chính sách 7: Chính sách trái phiếu xanh

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Các quy định về trái phiếu xanh còn thiếu. Bản thân các định chế tài chính cũng ngần ngại trong việc đầu tư vào trái phiếu xanh, do khung pháp lý chưa thật rõ ràng.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn thông qua trái phiếu xanh cho các dự án KTTH.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được tiếp cận vốn thông qua trái phiếu xanh, song có đặt ra các giới hạn cụ thể và bảo đảm các quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu.

- Giải pháp 2: Không thực hiện chính sách trái phiếu xanh.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận trái phiếu xanh cho các dự án KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có nhiều cơ hội được tài trợ hơn. **Rủi ro đối với hệ thống tài chính trong quá trình thử nghiệm được kiểm soát thông qua việc giới hạn tổ chức được phát hành trái phiếu xanh và đơn vị được hợp tác liên kết với quỹ phát triển địa phương thử nghiệm vận hành sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ các-bon tự nguyện.** Tác động kinh tế kèm theo là lợi nhuận cho doanh nghiệp, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động (kể cả lao động nữ). Tác động môi trường bao gồm việc hiện thực hóa giải pháp giảm phát thải ròng.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

8. Chính sách 8: Chính sách hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể gặp vấn đề với cách quản trị, tổ chức sản xuất trong bối cảnh thử nghiệm chính sách và các thay đổi chính sách liên quan đến KTTH.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp khi thực hiện dự án KTTH trong Cơ chế thử nghiệm, qua đó tăng cường hiệu quả kinh tế-xã hội-môi trường của các dự án KTTH.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được quản trị, tổ chức thực hiện một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của WTO. Về cơ bản, giải pháp này giống với các quy định hiện đang áp dụng với doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ như tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), song có mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng (dự thảo Nghị định đề xuất áp dụng với “*Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn*”), với mức hỗ trợ tối đa thấp hơn so với quy định hiện hành (tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP). Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

9. Chính sách 9: Chính sách hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo nghề, chi phí chuyển đổi nghề nghiệp nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể gặp vấn đề với kỹ năng của người lao động do họ chưa quen với cách làm việc, tổ chức sản xuất trong mô hình KTTH.

Việc đầu tư cho người lao động cũng có thể đặt ra rủi ro cho doanh nghiệp nếu không giữ chân được người lao động sau đào tạo.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng kỹ năng cho người lao động phục vụ dự án KTTH.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo nghề, chi phí chuyển đổi nghề nghiệp nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được thực hiện bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Giải pháp này bảo đảm tương thích với các cam kết về chống trợ cấp trong khung khổ của WTO. Về cơ bản, giải pháp này giống với các quy định hiện đang áp dụng với doanh nghiệp nhỏ và vừa (ví dụ như tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP), song có mở rộng phạm vi đối tượng áp dụng (dự thảo Nghị định đề xuất áp dụng với “*Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn*”), với mức hỗ trợ tối đa không cao hơn so với quy định hiện hành (tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP). Giải pháp này không hướng tới một nhóm doanh nghiệp hay nhóm ngành hay khu vực địa lý nào cụ thể. Các tiêu chí được tiếp cận hỗ trợ chính sách là khách quan, phụ thuộc vào thiết kế mô hình kinh tế tuần hoàn cụ thể, và hỗ trợ chỉ nhằm để điều chỉnh điều kiện sản xuất phù hợp với môi trường kinh doanh mới (gắn với thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh, theo Quan điểm tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam).

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

10. Chính sách 10: Nhà nước, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo, kết nối các đơn vị cung ứng lao động, trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định bảo đảm nguồn lao động đúng chất lượng, đủ số lượng yêu cầu cho thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn

10.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp có thể không tìm được lao động có đủ số lượng và kỹ năng cho thực hiện dự án KTTH.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Giúp doanh nghiệp tiếp cận lao động có đủ số lượng và chất lượng để thực hiện dự án KTTH.

10.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Nhà nước, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo, kết nối các đơn vị cung ứng lao động, trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định bảo đảm nguồn lao động đúng chất lượng, đủ số lượng yêu cầu cho thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

- Giải pháp 2: Không thực hiện giải pháp này.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 không đòi hỏi chi phí từ ngân sách nhà nước, và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương. Hoạt động kết nối sẽ giúp tăng cơ hội làm việc, cải thiện kỹ năng, tăng năng suất và thu nhập cho người lao động. Việc đáp ứng yêu cầu về lao động cũng giúp dự án KTTH được triển khai sớm và hiệu quả hơn, qua đó hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải ròng.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.

11. Chính sách 11: Chính sách đất đai

11.1. Xác định vấn đề bất cập

Quy định pháp luật hiện nay về đất đai đã có nội dung về sử dụng đất kết hợp đa mục đích. Điều 218 của Luật Đất đai đã quy định về việc sử dụng đất kết hợp đa mục đích, trong đó có nội dung về các loại đất được sử dụng kết hợp đa

mục đích, điều kiện đối với việc sử dụng đất kết hợp đa mục đích, và có giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Tuy nhiên, Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai có điều kiện là “*b) Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không quá 50% diện tích đất sử dụng vào mục đích chính, trừ diện tích đất ở sử dụng kết hợp đa mục đích*”. Điều kiện này có thể ảnh hưởng đến khả năng thiết kế các mô hình kinh tế tuần hoàn trong đó có các cấu phần hoạt động tương đương nhau theo chuỗi khép kín (bao gồm cả mục đích sử dụng chính và mục đích kết hợp). Bên cạnh đó, các quy định pháp luật cũng chưa bảo đảm khả năng cung cấp mặt bằng sạch của địa phương phục vụ kịp thời cho các dự án kinh tế tuần hoàn,...

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Cải thiện tiếp cận đất đai cho các dự án KTTH.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Quy định cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích đối với các loại đất quy định tại khoản 2 và tiết đ, khoản 3 Điều 218 của Luật Đất đai, bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm. Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không vượt quá diện tích đất sử dụng vào mục đích chính. Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố ưu tiên sử dụng mặt bằng sạch có sẵn, chịu trách nhiệm giải phóng sạch mặt bằng trong trường hợp nhà đầu tư ứng tiền giải phóng mặt bằng khu đất tại địa phương có vị trí, địa hình, đặc điểm phù hợp với quy mô dự án kinh tế tuần hoàn được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm dự kiến để triển khai xây dựng dự án.

Các loại đất quy định tại khoản 2, Điều 218 Luật Đất đai gồm có:

“*a) Đất trồng cây hàng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;*

b) Đất trồng cây lâu năm;

c) Đất lâm nghiệp, gồm đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất;

d) Đất nuôi trồng thủy sản;

đ) Đất chăn nuôi tập trung;

e) Đất làm muối;

g) Đất nông nghiệp khác.”

Tiết đ, khoản 3 Điều 218 của Luật Đất đai quy định về “*đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*”.

- Giải pháp 2: Quy định cho phép sử dụng đất mục đích hỗn hợp, tích hợp đa năng bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- Giải pháp 3: Không thực hiện chính sách hỗ trợ này.

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận đất đai phù hợp, sớm, ít chi phí, và giải pháp này không đòi hỏi phải sử dụng chi phí từ ngân sách nhà nước. Việc giới hạn sử dụng đất kết hợp đa mục đích ở các nhóm này phù hợp với các dự án kinh tế tuần hoàn có cấu phần nông nghiệp, đồng thời đảm bảo khả năng kết nối với các hoạt động công nghiệp, thương mại phù hợp. Giải pháp này cũng giúp phát huy tinh thần đồng hành của các cơ quan ở địa phương đối với việc sớm thực hiện KTTH trên địa bàn. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, tạo thêm giá trị gia tăng và lợi nhuận. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không đòi hỏi phải sử dụng chi phí từ ngân sách nhà nước. Các dự án KTTH cũng có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, tạo thêm giá trị gia tăng và lợi nhuận. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

Tuy nhiên, Điều 218 Luật Đất đai năm 2024 chỉ quy định sử dụng đất kết hợp đa mục đích, không quy định về sử dụng đất mục đích hỗn hợp, tích hợp đa năng; Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định sử dụng đất kết hợp đa mục đích là “*việc sử dụng một phần diện tích đất của mục đích sử dụng đất chính vào mục đích khác quy định tại Điều 218...*”. Theo đó, việc quy định thực hiện giải pháp 2 sẽ đòi hỏi phải sửa Luật hoặc có Nghị quyết của Quốc hội, theo đó sẽ vượt quá thẩm quyền của Chính phủ, đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí xây dựng đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng triển khai dự án kinh tế tuần hoàn của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc không giới hạn sử dụng đất kết hợp đa mục đích (tức là giữa mục đích kết hợp với mục đích chính) có thể dẫn tới tình trạng dự án kinh tế tuần hoàn thực hiện mất cân đối, không nhất quán với mục đích chính, theo đó ảnh hưởng đến khả năng theo dõi, giám sát, đánh giá dự án phục vụ tổng kết chính sách.

- Giải pháp 3 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1. Giải pháp chính sách này cũng bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ và phù hợp với quy định của Luật Đất đai (sửa đổi).

12. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định **không** làm phát sinh thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Doanh nghiệp, nhà đầu tư có quyền lựa chọn chuẩn bị hồ sơ để tham gia Cơ chế thử nghiệm, hoặc không tham gia cơ chế thử nghiệm và hưởng các ưu đãi chính sách theo quy định pháp luật hiện hành. Các thủ tục, quy trình liên quan đến xác nhận các dự án thuộc phân loại xanh cụ thể (dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần; dự án kinh tế tuần hoàn bán phần) đều trên cơ sở phát huy vai trò của cơ quan tổ chức thực hiện (trên tinh thần thử nghiệm chính sách), bảo đảm khẩn trương, có thời hạn cụ thể. Việc yêu cầu thông tin, báo cáo định kỳ cũng là cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả công tin thu thập thông tin, báo cáo, theo dõi và đánh giá một cách thực chất và có chất lượng cao, theo đó phục vụ hiệu quả việc tổng kết, đề xuất nhân rộng chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn sau giai đoạn thử nghiệm (bởi kinh tế tuần hoàn là một nội dung mới, chưa có nhiều căn cứ, thông tin, số liệu để xây dựng, đánh giá tác động chính sách trên diện rộng và/hoặc lâu dài đối với Việt Nam).

III. Ý KIẾN GÓP Ý VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU

(Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ cập nhật, bổ sung nội dung này)

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Dự thảo Nghị định dành một Chương riêng về nội dung Giám sát và đánh giá quá trình thử nghiệm. Trong đó, Điều 21 quy định về chế độ báo cáo của Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm. Các nội dung giám sát và đánh giá cũng được lồng ghép vào trình tự xử lý đề xuất trong các trường hợp liên quan đến dừng thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm và chứng nhận hoàn thành thử nghiệm. Như đã giải trình ở trên, các nội dung giám sát và đánh giá được cân nhắc ở mức độ phù hợp để bảo đảm hiệu quả thực thi cơ chế thử nghiệm chính sách, đồng thời thu thập các thông tin, đánh giá, kiến nghị để phục vụ quá trình xây dựng chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn sau giai đoạn thử nghiệm.

Dự thảo Nghị định đề xuất giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện kiểm tra, quản lý và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

V. NỘI DUNG KHÁC

1. Dự kiến nguồn lực

Kinh phí thực hiện Nghị định được đảm bảo từ các nguồn gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp

pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Các điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị định bao gồm:

- Phổ biến thông tin, tập huấn về các chính sách trong Nghị định ngay sau khi Chính phủ phê duyệt Nghị định tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định;

- Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện kịp thời, đầy đủ và hiệu quả các nội dung được giao, và phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định. Bên cạnh việc tuân thủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, quá trình tổ chức thực hiện quy định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn cũng cần khuyến khích các cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo quy trình, thủ tục quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

- Thường xuyên trao đổi, đối thoại với cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp và các cơ quan, địa phương nhằm tiếp nhận các ý kiến đóng góp, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định;

- Hoàn thiện cơ chế thông tin, báo cáo để có cơ sở đánh giá, sơ kết, tổng kết quá trình triển khai Nghị định, trên cơ sở đó kiến nghị hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho các dự án kinh tế tuần hoàn;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLKTTW.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8986 /VPCP-KTTH
V/v Đề nghị xây dựng Nghị định
về cơ chế thử nghiệm phát triển
kinh tế tuần hoàn

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 8964/TTr-BKHĐT, số 8965/BC- BKHĐT, số 8966/BC- BKHĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 về đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình có ý kiến như sau:

1. Đồng ý đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 8964/TTr-BKHĐT, số 8965/BC- BKHĐT, số 8966/BC- BKHĐT nêu trên. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung báo cáo, đề xuất.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan rà soát các chính sách đề xuất và hoàn thiện việc xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, khả thi, đúng thẩm quyền của Chính phủ, trình Chính phủ trong Quý II năm 2025.

3. Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg TT Nguyễn Hòa Bình;
- Các Bộ: KHĐT, TP;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
Các Vụ: TH, NN, CN, KGVX, PL,
QHĐP, ĐMDN;
- Lưu: VT, KTTH (3)

6

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Mai Thị Thu Vân